

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

Số: 153 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Bổ sung nội dung Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 15/6/2025 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án (bổ sung) năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông báo số 29/TB-HĐND ngày 28/5/2025 của HĐND tỉnh về dự kiến thời gian, nội dung kỳ họp thứ 30 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2025) HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Báo cáo số 172/BC-SNNMT ngày 17/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thẩm định hồ sơ, hiện trường đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất chì - kẽm kim loại Bắc Kạn 20.000 tấn/năm (phần diện tích bổ sung); Báo cáo số 173/BC-SNNMT ngày 17/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thẩm định hồ sơ, hiện trường đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công nghệ cao Quảng Chu; Báo cáo số 174/BC-SNNMT ngày 17/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thẩm định hồ sơ, hiện trường đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực Dự án Xây dựng tuyến đường Ba Bể - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (phần diện tích thu hồi bổ sung đoạn từ Km0+00 - Km37+00).

Ngày 15/6/2025, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 143/TTr-UBND về dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án (bổ sung) năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc

Kạn. Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 269/TTr-SNNMT ngày 18/6/2025, để đảm bảo tiến độ thực hiện các công trình, dự án, UBND tỉnh trình bổ sung nội dung Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 15/6/2025, với nội dung như sau:

1. Thông tin chung về các công trình, dự án

Tổng số hồ sơ (bổ sung) đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác gồm 03 công trình, dự án, gồm:

1.1. Dự án Xây dựng tuyến đường Ba Bể – hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (phần diện tích thu hồi bổ sung đoạn từ Km0+00 - Km37+00) do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Bắc Kạn làm chủ đầu tư.

1.2. Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất chì - kẽm kim loại Bắc Kạn 20.000 tấn/năm (phần diện tích bổ sung) do Công ty cổ phần luyện kim màu Bắc Kạn làm chủ đầu tư.

1.3. Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công nghệ cao Quảng Chu do Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Quảng Chu làm chủ đầu tư.

(Thông tin các công trình, dự án chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm)

2. Sự cần thiết đầu tư các công trình, dự án

(Có biểu tổng hợp chung về sự cần thiết đầu tư của các công trình, dự án chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm)

3. Diện tích, vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

3.1. Diện tích rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác.

Tổng diện tích rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác **64,6659** ha rừng (rừng tự nhiên 15,2524 ha; rừng trồng 49,4135 ha), trong đó:

- Dự án Xây dựng tuyến đường Ba Bể - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (phần diện tích thu hồi bổ sung đoạn từ Km0+00 - Km37+00) đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với diện tích 38,8599 ha, trong đó: rừng tự nhiên 15,2524 ha (quy hoạch phòng hộ 2,7433 ha; quy hoạch sản xuất 12,4454 ha; ngoài quy hoạch 3 loại rừng 0,0637 ha); rừng trồng 23,6075 ha (quy hoạch phòng hộ 1,8067 ha; quy hoạch sản xuất 18,2097 ha; ngoài quy hoạch 3 loại rừng 3,5911 ha).

- Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất chì - kẽm kim loại Bắc Kạn 20.000 tấn/năm (phần diện tích bổ sung) đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với diện tích 18,746 ha rừng trồng (thuộc quy hoạch rừng sản xuất 17,256 ha; ngoài quy hoạch 3 loại rừng 1,49 ha).

- Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công nghệ cao Quảng Chu đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với diện tích 7,06 ha rừng trồng (*thuộc quy hoạch sản xuất 6,41 ha; ngoài quy hoạch 3 loại rừng 0,65 ha*).

3.2. Vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác.

- Vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Xây dựng tuyến đường Ba Bể - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (phần diện tích thu hồi bổ sung đoạn từ Km0+00 - Km37+00) thuộc địa phận phường Sông Cầu và xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn; xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông; xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn; các xã Đồng Phúc và Quảng Khê, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất chì - kẽm kim loại Bắc Kạn 20.000 tấn/năm (phần diện tích bổ sung) thuộc địa phận thị trấn Bằng Lũng và xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công nghệ cao Quảng Chu thuộc địa phận xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

(Diện tích, vị trí cụ thể của từng công trình, dự án theo Phụ lục 3 đính kèm)

4. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

Các công trình, dự án đã đáp ứng nguyên tắc, căn cứ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp năm 2017 và khoản 1, 2 Điều 248 Luật đất đai năm 2024, cụ thể:

4.1. Dự án Xây dựng tuyến đường Ba Bể - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (phần diện tích thu hồi bổ sung đoạn từ Km0+00 - Km37+00)

- Sự phù hợp của dự án với quy hoạch tỉnh Bắc Kạn: Dự án đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 và Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) của tỉnh Bắc Kạn đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022.

- Sự phù hợp của dự án với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện:

+ Dự án phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thành phố Bắc Kạn được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 và phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 21/3/2025.

+ Dự án phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Bạch Thông được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 và phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 26/3/2025.

+ Dự án phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Chợ Đồn được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 và phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 31/7/2024.

+ Dự án phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Ba Bể được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 và phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 31/7/2024.

- Sự phù hợp của dự án với kế hoạch sử dụng đất hằng năm:

+ Dự án phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất các năm 2022, 2023, 2024, 2025 của thành phố Bắc Kạn được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại các Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 23/4/2025.

+ Dự án phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất các năm 2022, 2023, 2024, 2025 của huyện Bạch Thông được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại các Quyết định số 2744/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 24/4/2025.

+ Dự án phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất các năm 2022, 2023, 2024, 2025 của huyện Chợ Đồn được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại các Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 13/01/2023; Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 06/6/2025.

+ Dự án phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất các năm 2022, 2023, 2024, 2025 của huyện Ba Bể được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại các Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 12/6/2025.

4.2. Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất chì - kẽm kim loại Bắc Kạn 20.000 tấn/năm (phần diện tích bổ sung)

- Sự phù hợp của dự án với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện: Dự án đã được xác định danh mục công trình trong hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Chợ Đồn được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 31/7/2024.

- Sự phù hợp của dự án với kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Dự án được xác định, cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Chợ Đồn được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 06/6/2025.

4.3. Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công nghệ cao Quảng Chu

- Sự phù hợp của dự án với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện: Dự án phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Chợ Mới được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 19/7/2024.

- Sự phù hợp của dự án với kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Dự án được xác định, cập nhật trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Chợ Mới được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 12/6/2025.

5. Đối với các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác

Diện tích đất có rừng tự nhiên đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 01 dự án (*Dự án Xây dựng tuyến đường Ba Bể - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang phần diện tích thu hồi bổ sung đoạn từ Km0+00 - Km37+00*) là 15,2524 ha thuộc địa phận các xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông; xã Bằng Phúc huyện Chợ Đồn, xã Đồng Phúc huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn bắt buộc phải thực hiện do không thể bố trí diện tích đất khác. Tại Báo cáo số 174/BC-SNNMT ngày 17/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xác định dự án thuộc tiêu chí được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại khoản 22 Điều 1 (điểm b khoản 3 Điều 41a) Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ và nêu rõ các lý do dự án bắt buộc phải chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác do không thể bố trí trên diện tích đất khác.

6. Trồng rừng thay thế

Chủ đầu tư các công trình, dự án cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo đúng quy định của pháp luật sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

(Có dự thảo Nghị quyết và hồ sơ, tài liệu của các công trình, dự án gửi kèm)

Hồ sơ đề nghị phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 03 dự án nêu trên đủ căn cứ, điều kiện để Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc - HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, Tài chính;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Hoàng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



★ Nguyễn Đăng Bình

**PHỤ LỤC 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**

(Kèm theo Tờ trình số: 153 /TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô thực hiện
1	2	3	4	5
1	Dự án Xây dựng tuyến đường Ba Bể – hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (phần diện tích thu hồi bổ sung đoạn từ Km0+00 - Km37+00)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Bắc Kạn	Phường Sông Cầu và xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn; xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông; xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn; các xã Đồng Phúc và Quảng Khê, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Thực hiện đầu tư xây dựng đoạn tuyến Km0-Km37 với quy mô đường cấp II miền núi. chuyển mục đích sử dụng rừng bổ sung với tổng diện tích rừng là 38,8599 ha, trong đó: rừng tự nhiên 15,2524 ha, rừng trồng 23,6075 ha.
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất chì - kẽm kim loại Bắc Kạn 20.000 tấn/năm (phần diện tích bổ sung)	Công ty cổ phần luyện kim màu Bắc Kạn	Thị trấn Bằng Lũng và xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	Xây dựng nhà xưởng, chế biến và các hạng mục phụ trợ với tổng diện tích sử dụng đất là 27,170 ha, trong đó đất có rừng trồng 18,746 ha, đất không có rừng là 8,424 ha.
3	Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công nghệ cao Quảng Chu	Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Quảng Chu	Xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	- Quy mô đầu tư của dự án: + Công suất thiết kế: 25 triệu viên gạch quy tiêu chuẩn/năm. + Sản phẩm dịch vụ cung cấp: Gạch xây 2 lỗ, gạch xây 4 lỗ, gạch xây 6 lỗ, gạch xây đặc. + Diện tích dự án: 7,30 ha, trong đó: đất có rừng trồng 7,06 ha; đất không có rừng là 0,24 ha.

**PHỤ LỤC 2. TỔNG HỢP CHUNG VỀ SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**

(Kèm theo Tờ trình số: 153 /TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Dự án Xây dựng tuyến đường Ba Bể – hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (phần diện tích thu hồi bổ sung đoạn từ Km0+00 - Km37+00)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Bắc Kạn	Do thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở có điều chỉnh một số vị trí so với bước thiết kế cơ sở để đảm bảo yếu tố kỹ thuật của dự án nhằm phát huy hiệu quả tuyến đường khi hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng, cùng với việc phát sinh nhiều vị trí sạt lở mái taluy dương sau ảnh hưởng mưa, bão, địa chất, độ dốc...với diện tích, khối lượng lớn và một số vị trí cần thiết kế bổ sung hoàn trả đường dân sinh, đường lâm nghiệp hiện hữu, chủ đầu tư phải thực hiện thu hồi đất bổ sung đất để thực hiện dự án.	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất chì - kẽm kim loại Bắc Kạn 20.000 tấn/năm (phần diện tích bổ sung)	Công ty cổ phần luyện kim màu Bắc Kạn	Việc khai thác một cách hợp lý, không làm thất thoát nguồn tài nguyên khoáng sản luôn là mối quan tâm lớn của các cơ quan đầu ngành. Tại Nghị quyết Hội nghị BCH Đảng bộ tỉnh lần thứ tư (khóa XII) về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đã đề ra mục tiêu thúc đẩy một số ngành công nghiệp trọng điểm, tập trung khai thác khoáng sản có lợi thế như: chì, kẽm, gắn liền hình thức sản xuất chế biến sâu tại chỗ nhằm tận thu triệt để nguồn khoáng sản, đồng thời tạo nền tảng định hướng cho công nghiệp chế biến phát triển lâu dài. Từ thực trạng nêu trên việc đầu tư xây dựng nhà máy có dây chuyền sản xuất hiện đại là cần thiết, giúp tối ưu hóa quy trình, nâng cao quản lý chất lượng, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, đồng thời giải quyết việc làm cho người dân.	
3	Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công nghệ cao Quảng Chu	Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Quảng Chu	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công nghệ cao Quảng Chu tại xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn nhằm tận dụng lợi thế về nguồn đất phong phú cầu địa phương. Dự án phù hợp phương hướng phát triển công nghiệp khai thác và chế biến, huy động nguồn lực tiềm năng sẵn có vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội góp phần cùng cả nước thực hiện chủ trương đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.	

**PHỤ LỤC 3. TỔNG HỢP DIỆN TÍCH, VỊ TRÍ KHU RỪNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN**

(Kèm theo Tờ trình số: 153 /TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)



TT	Loại rừng (Phân theo mục đích sử dụng)	Diện tích (ha)			Vị trí (Đơn vị hành chính, lô, khoảnh, tiểu khu)
		Tổng	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	
1	2	3	4	5	6
I Dự án Xây dựng tuyến đường Ba Bể – hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (phần diện tích thu hồi bổ sung đoạn từ Km0+00 - Km37+00)					
1	Rừng đặc dụng				- Tại các lô 4, 6, 7, 8, 9, 11, 14 khoảnh 1 tiểu khu 340. Thuộc địa phận phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. - Tại các lô 3, 6, 7, 8, 10, 11, 14, 16, 18, 19, 20, 21, 22, 24, 25 khoảnh 3 tiểu khu 388; các lô 1, 2, 3, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 17, 19, 20, 22, 25, 27 khoảnh 5 tiểu khu 388; các lô 1, 2, 5, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 20, 21, 24, 28, 29, 30, 32 khoảnh 6 tiểu khu 388. Thuộc địa phận xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. - Tại các lô 1, 2, 3, 4 khoảnh 4 tiểu khu 361; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9a, 9b, 10, 11, 12, 14, 15, 16 khoảnh 5 tiểu khu 361; các lô 3, 4, 5, 6 khoảnh 8 tiểu khu 364; các lô 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20 khoảnh 1 tiểu khu 366; các lô 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 16, 17 khoảnh 2 tiểu khu 366; các lô 1, 2, 3, 5, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25 khoảnh 5 tiểu khu 366; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 19, 21, 22, 24, 25, 26, 29, 30, 32, 33, 37 khoảnh 2 tiểu khu 381; các lô 2, 3, 5, 6, 8, 9, 11 khoảnh 3 tiểu khu 381; lô 1 khoảnh 4 tiểu khu 381; các lô 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 13, 14, 18, 21, 23 khoảnh 5 tiểu khu 381; các lô 1, 2, 4, 5, 8, 11, 13, 15, 17 khoảnh 6 tiểu khu 381; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8 khoảnh 7 tiểu khu 381; các lô 3, 7, 11, 12, 14, 15, 17, 18, 21, 22, 23, 24 khoảnh 8 tiểu khu 381; các lô 2, 3, 4, 5 khoảnh 9 tiểu khu 381; các lô 4, 6 khoảnh 10 tiểu khu 381; các lô 8, 18 khoảnh 12 tiểu khu 381; các lô 2, 4, 5 khoảnh 10 tiểu khu 384. Thuộc địa phận xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.
2	Rừng phòng hộ	4,5500	1,8067	2,7433	- Tại các lô 4, 5 khoảnh 3 tiểu khu 259; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 29, 32, 33, 34, 35, 36 khoảnh 1 tiểu khu 262; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 khoảnh 2 tiểu khu 262; các lô 1, 2, 3, 4, 7, 8 khoảnh 3 tiểu khu 266; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 20, 23, 24, 25, 26, 27, 29, 30 khoảnh 4 tiểu khu 266; các lô 1, 6, 7, 9, 13 khoảnh 5 tiểu khu 266; tại các lô 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 23, 24, 25, 26, 28, 29, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 44, 46, 47 khoảnh 6 tiểu khu 266; các lô 1, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 20, 21, 23, 24, 25 khoảnh 2 tiểu khu 272; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6 khoảnh 4 tiểu khu 272; lô 1 khoảnh 6 tiểu khu 272; các lô 1, 5, 9, 16, 17, 18, 19, 23, 32, 33 khoảnh 7 tiểu khu 272; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 27, 29, 30, 32 khoảnh 8 tiểu khu 272; lô 1 khoảnh 9 tiểu khu 272; các lô 1, 3, 8, 9, 11 khoảnh 1 tiểu khu 273; lô 1 khoảnh 3 tiểu khu 273. Thuộc địa phận xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.
3	Rừng sản xuất	30,6551	18,2097	12,4454	- Tại các lô 1, 2, 6, 8, 9, 10, 11, 13, 21, 31, 32 khoảnh 1 tiểu khu 102; các lô 4, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 33 khoảnh 2 tiểu khu 102; các lô 1, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 12, 13, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 38, 39, 40, 41, 43, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55 khoảnh 4 tiểu khu 102; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 khoảnh 8 tiểu khu 102. Thuộc địa phận xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. - Tại các lô 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 khoảnh 8 tiểu khu 90; các lô 3, 4, 6, 9, 10 khoảnh 9 tiểu khu 90. Thuộc địa phận xã Quảng Khê, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	3,6548	3,5911	0,0637	
Cộng dự án		38,8599	23,6075	15,2524	

II	Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất chì - kẽm kim loại Bắc Kạn 20.000 tấn/năm (phần diện tích bổ sung)			
1	Rừng đặc dụng			- Tại các lô 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 11, 12 khoảnh 9 tiểu khu 291; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 khoảnh 10 tiểu khu 291 thuộc địa phận thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. - Tại các lô 2, 3, 4, 5, 6 khoảnh 3 tiểu khu 294; các lô 1, 4, 5, 7, 9, 10, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 22, 23, 25, 26, 28, 30, 33, 36, 37, 39, 40, 41, 43, 44, 45, 48, 49, 51 khoảnh 4 tiểu khu 294 thuộc địa phận xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.
2	Rừng phòng hộ			
3	Rừng sản xuất	17,256	17,256	
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	1,490	1,490	
Cộng dự án		18,746	18,746	
III	Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công nghệ cao Quảng Chu			
1	Rừng đặc dụng			Tại các lô 1, 3, 4, 7, 8, 9, 10, 12, 14 khoảnh 3, tiểu khu 447A, thuộc địa phận xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn
2	Rừng phòng hộ			
3	Rừng sản xuất	6,410	6,410	
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	0,650	0,650	
Cộng dự án		7,060	7,060	
Tổng cộng		64,6659	49,4135	15,2524

Ghi chú:

- Loại rừng (Phân theo mục đích sử dụng) theo bản đồ Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ.
- Lô, khoảnh, tiểu khu theo bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/5.000 kèm theo báo cáo đánh giá hiện trạng rừng chuyển mục đích sử dụng đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định.

Số: /NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án (bổ sung) năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 30 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét các Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 143/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2025 dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án (bổ sung) năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Số /TTr-UBND ngày ... tháng 6 năm 2025 bổ sung nội dung Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 15/6/2025 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án (bổ sung) năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án (bổ sung) năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với diện tích 87,4617 ha, trong đó: rừng tự nhiên 15,2714 ha; rừng trồng 72,1903 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 30 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

Phụ lục
DIỆN TÍCH, VỊ TRÍ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Loại rừng (Phân theo mục đích sử dụng)	Diện tích (ha)			Vị trí (Đơn vị hành chính, lô, khoảnh, tiểu khu)
		Tổng	Nguồn gốc hình thành		
			Rừng trồng	Rừng tự nhiên	
1	2	3	4	5	6
I	Dự án Sửa chữa nền, mặt đường và xử lý các điểm nguy cơ mất ATGT, các vị trí đường cong nhỏ tại Km321+400-Km322+800; Km323+250-Km329+00; Km331+250-Km331+350; Km336+850-Km336+950; Km337+050-Km337+150 và bổ sung đường cứu nạn đoạn Km45+100-Km 45+300 QL.279, tỉnh Bắc Kạn				
1	Rừng đặc dụng				- Tại các lô 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13 khoảnh 10 tiểu khu 58. Thuộc địa phận xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. - Tại lô 4 khoảnh 4 tiểu khu 55. Thuộc địa phận xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. - Tại lô 2 khoảnh 12 tiểu khu 50. Thuộc địa phận xã Bành Trách, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. - Tại lô 4 khoảnh 1 tiểu khu 57 và lô 2 khoảnh 2 tiểu khu 57. Thuộc địa phận thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. - Tại các lô 4, 5, 8 khoảnh 2 tiểu khu 48. Thuộc địa phận xã Cao Thượng, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.
2	Rừng phòng hộ	0			
3	Rừng sản xuất	0,573	0,554	0,019	
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	0,106	0,106		
Cộng dự án		0,679	0,660	0,019	
II	Dự án thủy điện Khuổi Thốc (phần bổ sung)				
1	Rừng đặc dụng				Tại các lô 2, 4 khoảnh 5 tiểu khu 364; lô 2 khoảnh 6 tiểu khu 366. Thuộc địa phận xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	0,039	0,039		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
Cộng dự án		0,039	0,039		

TT	Loại rừng (Phân theo mục đích sử dụng)	Diện tích (ha)			Vị trí (Đơn vị hành chính, lô, khoảnh, tiểu khu)
		Tổng	Nguồn gốc hình thành		
			Rừng trồng	Rừng tự nhiên	
1	2	3	4	5	6
III	Dự án Đầu tư chăn nuôi lợn công nghệ cao Ánh Dương Bắc Kạn				
1	Rừng đặc dụng				Tại các lô 1, 2, 3, 4, 5, 9, 10, 12, 13, 16, 18, 19, 20, 21, 23, 25, 26, 27, 29, 30, 33, 36 khoảnh 7, tiểu khu 412. Thuộc địa phận xã Thanh Mai, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	4,220	4,220		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	0,210	0,210		
Cộng dự án		4,430	4,430		
IV	Dự án Nhà máy sản xuất ván ép (Ván dán)				
1	Rừng đặc dụng				Tại các lô 1, 2, 3, 4, 5 khoảnh 1 tiểu khu 446. Thuộc địa phận xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	0,470	0,470		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	1,020	1,020		
Cộng dự án		1,490	1,490		
V	Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể (phần diện tích thu hồi bổ sung lần 2)				
1	Rừng đặc dụng				- Tại lô 5 khoảnh 7 tiểu khu 81; lô 2 khoảnh 12 tiểu khu 81. Thuộc địa phận xã Quảng Khê, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. - Tại các lô 2, 4, 6, 7, 8, 10, 11 khoảnh 5 tiểu khu 72; các lô 5, 6, 8, 9 khoảnh 2 tiểu khu 75; các lô 2, 3, 6, 7, 8, 9 khoảnh 3 tiểu khu 75. Thuộc địa phận xã Khang Ninh, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	1,079	1,079		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	0,096	0,096		
Cộng dự án		1,175	1,175		

TT	Loại rừng (Phân theo mục đích sử dụng)	Diện tích (ha)			Vị trí (Đơn vị hành chính, lô, khoảnh, tiểu khu)
		Tổng	Nguồn gốc hình thành		
			Rừng trồng	Rừng tự nhiên	
1	2	3	4	5	6
VI	Dự án khai thác, chế biến khoáng sản vàng gốc khu vực Pác Lạng (phần diện tích điều chỉnh)				
1	Rừng đặc dụng				- Tại lô 2 khoảnh 5 tiểu khu 125. Thuộc địa phận xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. - Tại các lô 2, 6, 7, 8, 10, 11, 12 khoảnh 3, tiểu khu 132; các lô 5, 6, 7, 8, 9 khoảnh 3 tiểu khu 134. Thuộc địa phận xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	2,250	2,250		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	0,250	0,250		
Cộng dự án		2,500	2,500		
VII	Dự án đầu tư chăn nuôi lợn sinh sản công nghệ cao giai đoạn II tại xã Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn				
1	Rừng đặc dụng				Tại các lô 1, 2, 3, 4, khoảnh 2 tiểu khu 425; các lô 1, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 11 khoảnh 3 tiểu khu 425; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 7 khoảnh 6 tiểu khu 425. Thuộc địa phận xã Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	11,163	11,163		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
Cộng dự án		11,163	11,163		
VIII	Dự án đường vào hồ Nậm Cắt thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (phần diện tích thu hồi bổ sung)				
1	Rừng đặc dụng				Tại các lô 2, 3, 5, 6, 7 khoảnh 6 tiểu khu 336A. Thuộc địa phận xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	0,630	0,630		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
Cộng dự án		0,630	0,630		

TT	Loại rừng (Phân theo mục đích sử dụng)	Diện tích (ha)			Vị trí (Đơn vị hành chính, lô, khoảnh, tiểu khu)
		Tổng	Nguồn gốc hình thành		
			Rừng trồng	Rừng tự nhiên	
1	2	3	4	5	6
IX	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn				
1	Rừng đặc dụng				Tại các lô 1, 2, 4 khoảnh 6 tiểu khu 447B. Thuộc địa phận xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	0,690	0,690		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
Cộng dự án		0,690	0,690		
X	Dự án Xây dựng tuyến đường Ba Bể – hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (phần diện tích thu hồi bổ sung đoạn từ Km0+00 - Km+00)				
1	Rừng đặc dụng				- Tại các lô 4, 6, 7, 8, 9, 11, 14 khoảnh 1 tiểu khu 340. Thuộc địa phận phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. - Tại các lô 3, 6, 7, 8, 10, 11, 14, 16, 18, 19, 20, 21, 22, 24, 25 khoảnh 3 tiểu khu 388; các lô 1, 2, 3, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 17, 19, 20, 22, 25, 27 khoảnh 5 tiểu khu 388; các lô 1, 2, 5, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 20, 21, 24, 28, 29, 30, 32 khoảnh 6 tiểu khu 388. Thuộc địa phận xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. - Tại các lô 1, 2, 3, 4 khoảnh 4 tiểu khu 361; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9a, 9b, 10, 11, 12, 14, 15, 16 khoảnh 5 tiểu khu 361; các lô 3, 4, 5, 6 khoảnh 8 tiểu khu 364; các lô 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20 khoảnh 1 tiểu khu 366; các lô 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 16, 17 khoảnh 2 tiểu khu 366; các lô 1, 2, 3, 5, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25 khoảnh 5 tiểu khu 366; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 19, 21, 22, 24, 25, 26, 29, 30, 32, 33, 37 khoảnh 2 tiểu khu 381; các lô 2, 3, 5, 6, 8, 9, 11 khoảnh 3 tiểu khu 381; lô 1 khoảnh 4 tiểu khu 381; các lô 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 13, 14, 18, 21, 23 khoảnh 5 tiểu khu 381; các lô 1, 2, 4, 5, 8, 11, 13, 15, 17 khoảnh 6 tiểu khu 381; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8 khoảnh 7 tiểu khu 381; các lô 3, 7, 11, 12, 14, 15, 17, 18, 21, 22, 23, 24 khoảnh 8 tiểu khu 381; các lô 2, 3, 4, 5 khoảnh 9 tiểu khu 381; các lô 4, 6 khoảnh 10 tiểu khu 381; các lô 8, 18 khoảnh 12 tiểu khu 381; các lô 2, 4, 5 khoảnh 10 tiểu khu 384. Thuộc địa phận xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.
2	Rừng phòng hộ	4,5500	1,8067	2,7433	- Tại các lô 4, 5 khoảnh 2 tiểu khu 350; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 22, 23, 24, 25

TT	Loại rừng (Phân theo mục đích sử dụng)	Diện tích (ha)			Vị trí (Đơn vị hành chính, lô, khoảnh, tiểu khu)
		Tổng	Nguồn gốc hình thành		
			Rừng trồng	Rừng tự nhiên	
1	2	3	4	5	6
3	Rừng sản xuất	30,6551	18,2097	12,4454	- Tại các lô 4, 5 khoảnh 5 tiểu khu 259; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 29, 32, 33, 34, 35, 36 khoảnh 1 tiểu khu 262; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 khoảnh 2 tiểu khu 262; các lô 1, 2, 3, 4, 7, 8 khoảnh 3 tiểu khu 266; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 20, 23, 24, 25, 26, 27, 29, 30 khoảnh 4 tiểu khu 266; các lô 1, 6, 7, 9, 13 khoảnh 5 tiểu khu 266; tại các lô 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 23, 24, 25, 26, 28, 29, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 44, 46, 47 khoảnh 6 tiểu khu 266; các lô 1, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 20, 21, 23, 24, 25 khoảnh 2 tiểu khu 272; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6 khoảnh 4 tiểu khu 272; lô 1 khoảnh 6 tiểu khu 272; các lô 1, 5, 9, 16, 17, 18, 19, 23, 32, 33 khoảnh 7 tiểu khu 272; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 27, 29, 30, 32 khoảnh 8 tiểu khu 272; lô 1 khoảnh 9 tiểu khu 272; các lô 1, 3, 8, 9, 11 khoảnh 1 tiểu khu 273; lô 1 khoảnh 3 tiểu khu 273. Thuộc địa phận xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	3,6548	3,5911	0,0637	- Tại các lô 1, 2, 6, 8, 9, 10, 11, 13, 21, 31, 32 khoảnh 1 tiểu khu 102; các lô 4, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 33 khoảnh 2 tiểu khu 102; các lô 1, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 12, 13, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 38, 39, 40, 41, 43, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55 khoảnh 4 tiểu khu 102; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 khoảnh 8 tiểu khu 102. Thuộc địa phận xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. - Tại các lô 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 khoảnh 8 tiểu khu 90; các lô 3, 4, 6, 9, 10 khoảnh 9 tiểu khu 90. Thuộc địa phận xã Quảng Khê, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.
Cộng dự án		38,8599	23,6075	15,2524	
XI	Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất chì - kẽm kim loại Bắc Kạn 20.000 tấn/năm (phần diện tích bổ sung)				
1	Rừng đặc dụng				- Tại các lô 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 11, 12 khoảnh 9 tiểu khu 291; các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 khoảnh 10 tiểu khu 291thuộc địa phận thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. - Tại các lô 2, 3, 4, 5, 6 khoảnh 3 tiểu khu 294; các lô 1, 4, 5, 7, 9, 10, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 22, 23, 25, 26, 28, 30, 33, 36, 37, 39, 40, 41, 43, 44, 45, 48, 49, 51 khoảnh 4 tiểu khu 294 thuộc địa phận xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	17,256	17,256		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	1,490	1,490		
Cộng dự án		18,746	18,746	0,000	

TT	Loại rừng (Phân theo mục đích sử dụng)	Diện tích (ha)			Vị trí (Đơn vị hành chính, lô, khoảnh, tiểu khu)
		Tổng	Nguồn gốc hình thành		
			Rừng trồng	Rừng tự nhiên	
1	2	3	4	5	6
XII	Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công nghệ cao Quảng Chu				
1	Rừng đặc dụng				Tại các lô 1, 3, 4, 7, 8, 9, 10, 12, 14 khoảnh 3, tiểu khu 447A, thuộc địa phận xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	6,410	6,410		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	0,650	0,650		
Cộng dự án		7,060	7,060	0,000	
Tổng cộng		87,4617	72,1903	15,2714	

Ghi chú:

- Loại rừng (Phân theo mục đích sử dụng) theo bản đồ Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ.
- Lô, khoảnh, tiểu khu theo bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/5.000 kèm theo báo cáo đánh giá hiện trạng rừng chuyển mục đích sử dụng đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định.

DANH MỤC
TÀI LIỆU CỦA 02 CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN (BỔ SUNG) ĐỀ NGHỊ CHUYỂN
MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình số: 153/TTr-UBND ngày 18/6/2025 của
UBND tỉnh Bắc Kạn)

1. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án (bổ sung) năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.
2. Hồ sơ, tài liệu của các dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.